

Bản án số: 483/2020/HNGĐ-ST

Ngày 02-7-2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1195/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Tố T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 21 đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Đinh Quốc T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: 21 đường N, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 11 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị Tố T trình bày:

Bà T và ông Đinh Quốc T chung sống vợ chồng từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền 01/2005, đăng ký ngày 19/01/2005. Trong

thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Ông T ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, bà đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông T thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nên bà Phạm Thị Tố T không còn niềm tin vào sự thay đổi của ông T. Hiện nay bà và ông T đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến ai. Bản thân bà Phạm Thị Tố T không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa vì tình cảm vợ chồng không còn. Bà Phạm Thị Tố T đề nghị toà án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Đinh Quốc T.

Về con chung: có 02 con chung tên là Đinh Thụy Kim N, sinh ngày: 30/3/2006 và Đinh Quốc D, sinh ngày: 24/02/2008 ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay mỗi người đang nuôi 01 con chung nên bà muốn tiếp tục duy trì. Bà Phạm Thị Tố T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên là Đinh Thụy Kim N và đồng ý giao 01 con chung tên là Đinh Quốc D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Đinh Quốc T trình bày: Ông T thừa nhận là do ông ham chơi, không chăm lo cho gia đình nên đã làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Bản thân ông T sẽ cố gắng thay đổi tập trung lo cho gia đình và các con. Vì ông muốn các con cùng chung sống với cha mẹ và không muốn ly hôn, ông chỉ muốn gia đình trở về chung sống đoàn tụ như trước đây. Từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay phía bà Phạm Thị Tố T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Thụy Kim N; ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Quốc D. Ông T đề nghị vợ chồng tạm thời cứ tiếp tục duy trì cuộc sống như hiện nay để khi nào vợ chồng có cơ hội sẽ trở về sống đoàn tụ lại với nhau. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho ông được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: có 02 con chung tên là Đinh Thụy Kim N, sinh ngày: 30/3/2006 và Đinh Quốc D, sinh ngày: 24/02/2008 ngoài ra không có con chung nào khác.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên là Đinh Thụy Kim N và đồng ý giao 01 con chung tên là Đinh Quốc D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung : không có.

- Bị đơn xin được đoàn tụ gia đình. Nếu Tòa án chấp thuận cho bà Phạm Thị Tố T ly hôn thì ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Quốc D và giao cho bà Phạm Thị Tố T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên

là Đinh Thụy Kim N. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung : không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình .

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển 01/2005, đăng ký ngày 19/01/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh số 85/2006, quyển số 01/P14 đăng ký ngày 10/4/2006 và Giấy khai sinh số 81, quyển số 01/2008/P14 đăng ký ngày 04/3/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Tố T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc bà Phạm Thị Tố T và ông Đinh Quốc T chung sống vợ chồng từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển 01/2005, đăng ký ngày 19/01/2005; Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Tố T xin ly hôn với ông Đinh Quốc T. Do trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Ông T ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, bà Phạm Thị Tố T đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông T thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Ông T thừa nhận trong thời gian chung sống giữa ông và bà Phạm Thị Tố T có xảy ra mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù ông T đã đưa ra rất nhiều phương án để xây dựng cuộc sống gia đình nhưng bà Phạm Thị Tố T cương quyết không đồng ý đoàn tụ. Vì bà cho rằng bà đã mất niềm tin ở ông T dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà cương quyết xin ly hôn với ông Đinh Quốc T. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Tố T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phạm Thị Tố T và ông Đinh Quốc T có 02 con chung tên là Đinh Thụy Kim N, sinh ngày: 30/3/2006 và Đinh Quốc D, sinh ngày: 24/02/2008 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà Phạm Thị Tố T và ông Đinh Quốc T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, xét yêu cầu xin nuôi con của các bên đương sự là tự nguyện và chính đáng, đây cũng là quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con. Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay bà Phạm Thị Tố T đang trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên là Đinh Thụy Kim N; Ông Đinh Quốc T đang trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên là Đinh Quốc D. Do vậy đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung theo quy định vào Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Tòa án quyết định giao cho bà Phạm Thị Tố T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Thụy Kim N; Giao cho Đinh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Quốc D. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[5] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Tố T và ông Đinh Quốc T xác nhận là không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Tố T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tố T xin ly hôn ông Đinh Quốc T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Tố T và ông Đinh Quốc T có 02 con chung tên là Đinh Thụy Kim N, sinh ngày: 30/3/2006 và Đinh Quốc D, sinh ngày: 24/02/2008 ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Phạm Thị Tổ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Thụy Kim N; Giao cho Đinh Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đinh Quốc D. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Tổ T và ông Đinh Quốc T xác nhận là không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Thị Tổ T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0012555 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Phạm Thị Tổ T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P15, Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

